

Số: 3115/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 16 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về phân bổ kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
cho ngân sách phường, xã năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 866/TTr-STC ngày 28/11/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận phân bổ kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh năm 2025 cho ngân sách phường, xã năm 2025 với số tiền dự toán là **49.753.017.093 đồng** (Số tiền bằng chữ: Bốn mươi chín tỷ, bảy trăm năm mươi ba triệu, không trăm mười bảy ngàn, không trăm chín mươi ba đồng) để thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách năm 2025 (Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Tài chính thông báo số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách phường, xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Giao Chủ tịch UBND các phường, xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, thanh quyết toán số kinh phí được bổ sung nêu



trên bảo đảm đúng mục đích, đúng quy định pháp luật, hiệu quả, tiết kiệm, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tham nhũng, tiêu cực.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Khu vực XVII, Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch và các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Út



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI



PHỤ LỤC

BỔ SUNG KINH PHÍ 06 THÁNG CUỐI NĂM 2025 (ĐỢT 3) CHO CÁC PHƯỜNG , XÃ

(Kèm theo Quyết định số 3445 /QĐ-UBND ngày 16 /12/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng.

STT	Nội dung	Số tiền
1	2	3
	TỔNG CỘNG	49.753.017.093
1	Biên Hòa	297.648.000
2	Cẩm Mỹ	2.152.496.995
3	Chơn Thành	1.066.886.421
4	Định Quán	2.325.000.000
5	Đồng Phú	2.220.990.232
6	Hố Nai	11.756.089.000
7	Long Bình	299.052.000
8	Long Hưng	4.575.111.307
9	Long Thành	892.944.000
10	Nghĩa Trung	1.965.657.000
11	Nhơn Trạch	1.316.668.000
12	Phú Lâm	1.062.580.575
13	Phú Lý	666.000.000
14	Phú Riềng	662.299.755
15	Phước Tân	368.000.000
16	Tam hiệp	229.290.750
17	Tân Phú	960.952.055
18	Tân Triều	3.012.000.000
19	Thọ Sơn	7.439.000.000
20	Thuận Lợi	397.000.000
21	Trần Biên	1.481.879.003
22	Xuân Lộc	4.605.472.000

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

PM LỤC CHI TIẾT
BỘ SƯNG KINH PHÍ 06 THÁNG 12 LỜI NĂM 2025 (ĐỢT 3) CHO CÁC PHƯỜNG, XÃ
(Kèm theo Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 16/12/2025 của UBND tỉnh)



Bổ sung dự toán chi thường xuyên khối phường, xã năm 2025 (Đợt 3) _ĐVT: Đồng

STT	Các phường, xã	Tổng cộng	Kinh phí sự nghiệp giáo dục (chéch lệch so với dự toán giao đầu năm trước sắp xếp)	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hỗ trợ giáo viên theo Nghị quyết 07/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	Chi miễn giảm học phí đối với học sinh-sinh viên	Hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021; Nghị quyết 06/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	Kinh phí thời việc cho giáo viên	Kinh phí xác định tư vấn lập đồ án quy hoạch chi tiết 1/500	Kinh phí giải quyết chế độ, chính sách theo Nghị định 170/2025/NĐ-CP của CP	Kinh phí giải quyết chế độ, chính sách theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP của CP	Kinh phí gần biên chi dân công cộng theo đề án đánh số nhà (trước sắp xếp dự toán nhưng chưa nhập dự toán trên HT Tabmis)	Quy tiền thường theo Nghị định 73/NĐ-CP của Chính Phủ (Giáo dục và QLHC)	Kinh phí phụ cấp của Đảng ủy (tăng so với dự toán giao đầu năm)	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hệ thống
A	B	$I=2+...+21$	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG	49.753.017.093	11.605.437.307	1.704.600.000	768.500.000	3.590.000.000	310.000.000	265.624.000	3.474.000.000	872.305.200	12.445.474.586	2.325.000.000	7.245.000.000	162.162.000	21.402.000
1	Biên Hòa	297.648.000									297.648.000				
2	Cẩm Mỹ	2.152.496.995	1.100.000.000								1.052.496.995				
3	Chơn Thành	1.066.886.421									1.066.886.421				
4	Định Quán	2.325.000.000										2.325.000.000			
5	Đồng Phú	2.220.990.232									2.220.990.232				
6	Hố Nai	11.756.089.000	1.185.326.000	132.600.000	265.500.000	3.590.000.000	310.000.000	265.624.000				3.734.000.000	162.162.000		21.402.000
7	Long Bình	299.052.000									299.052.000				
8	Long Hưng	4.575.111.307	4.575.111.307												
9	Long Thành	892.944.000													
10	Nghĩa Trung	1.965.657.000													
11	Nixon Trach	1.316.668.000									1.224.288.000				
12	Phù Lâm	1.062.580.575								872.305.200	160.275.375				
13	Phù Lý	666.000.000	161.000.000												
14	Phù Riêng	662.299.755									662.299.755				

Bổ sung dự toán chi thường xuyên khối phường, xã năm 2025 (Đợt 3)_ ĐVT: Đồng															
STT	Các phường, xã	Tổng cộng	Kinh phí sự nghiệp giáo dục (chênh lệch so với dự toán giao đầu năm trước sắp xếp)	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hỗ trợ giáo viên theo Nghị quyết 07/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	Chi miễn giảm học phí đối với học sinh-sinh viên	Hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021; Nghị quyết 06/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	Kinh phí thời việc cho giáo viên	Kinh phí xác định tư vấn lập đồ án quy hoạch chi tiết 1/500	Kinh phí giải quyết chế độ, chính sách theo Nghị định 170/2025/NĐ-CP của CP	Kinh phí giải quyết chế độ, chính sách theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP của CP	Kinh phí gần biên chi dẫn công cộng theo đề án đánh số nhà (trước sắp xếp đã phân bổ dự toán nhưng chưa nhập dự toán trên HT Tabmis)	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/ND-CP của Chính Phủ (Giáo dục và QLHC)	Kinh phí phụ cấp của Đảng ủy (lương so với dự toán giao đầu năm)	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo
A	B	I=2+...+21	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
15	Phước Tân	368.000.000							368.000.000						
16	Tam hiệp	229.290.750									229.290.750				
17	Tân Phú	960.952.055									960.952.055				
18	Tân Triều	3.012.000.000	3.012.000.000												
19	Thọ Sơn	7.439.000.000	1.572.000.000	1.572.000.000									3.511.000.000		
20	Thuận Lợi	397.000.000									397.000.000				
21	Trần Biên	1.481.879.003									1.481.879.003				
22	Xuân Lộc	4.605.472.000							3.106.000.000		1.499.472.000				



Bổ sung dự toán chi thường xuyên khối phường, xã năm 2025 (Đợt 3) _ĐVT: Đồng										Ghi chú
STT	Các phường, xã	Bổ sung quỹ lương an ninh trật tự cơ sở (tăng so với dự toán giao đầu năm)	Trợ cấp xã hội hàng tháng, mai táng phí	Hỗ trợ phụ nữ sinh 2 con trước 35 tuổi (NQ số 32/2024/NQ-HĐND)	Phụ cấp cho bán chuyên trách ở thôn	Chế độ hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Kinh phí nghỉ việc trợ cấp 1 lần cho dân quân xã, phường	Kinh phí tăng thêm hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP (Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp)		
4	B	15	16	17	18	19	20	21	22	
	TỔNG CỘNG	623.529.000	1.508.946.000	97.000.000	1.910.237.000	147.420.000	533.380.000	143.000.000		
1	Biên Hòa								VB 1381/UBND ngày 19/11/2025 của UBND phường Biên Hòa	
2	Cẩm Mỹ								TT 73/TT-UBND ngày 21/11/2025 và VB 1605/UBND ngày 27/11/2025 của UBND xã Cẩm Mỹ	
3	Chơn Thành								TT 1367/TT-UBND ngày 26/11/2025 của Phường Chơn Thành	
4	Định Quán								BC 89/BC-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Định Quán	
5	Đồng Phú								TT 50/TT-UBND ngày 29/10/2025 của UBND Đồng Phú	
6	Hố Nai	623.529.000	1.400.946.000	67.000.000					TT 41/TT-UBND ngày 21/11/2025 của UBND Hồ Nai	
7	Long Bình								QĐ 70/QĐ-ĐU ngày 31/10/2025 và QĐ 71/QĐ-ĐU ngày 31/10/2025 của ĐU phường Long Bình	
8	Long Hưng								TT 50/TT-UBND ngày 13/11/2025 của UBND phường Long Hưng	
9	Long Thành								TT 98/TT-UBND ngày 28/11/2025 của UBND xã Long Thành	
10	Nghiã Trung				1.818.237.000	147.420.000			TT 62/TT-UBND ngày 28/11/2025 của UBND xã Nghiã Trung	
11	Nhơn Trạch						92.380.000		TT 89/TT-UBND ngày 25/11/2025 của UBND xã Nhơn Trạch	
12	Phù Lâm			30.000.000					TT 51/TT-UBND ngày 25/11/2025 của UBND xã Phù Lâm	
13	Phù Lý								VB 1069/UBND ngày 25/11/2025 và VB 1037/UBND ngày 14/11/2025 của UBND xã Phù Lý	
14	Phù Riềng								VB 1259/UBND ngày 26/11/2025 của UBND xã Phù Riềng	

STT	Các phường, xã	Bổ sung dự toán chi thường xuyên khối phường, xã năm 2025 (Đợt 3)_ĐVT: Đồng						Ghi chú
		Bổ sung quỹ lương an ninh trật tự cơ sở (tăng so với dự toán giao đầu năm)	Trợ cấp xã hội hàng tháng, mai táng phí	Hỗ trợ phụ nữ sinh 2 con trước 35 tuổi (NQ số 32/2024/NQ-HĐND)	Phụ cấp cho bán chuyên trách ở thôn	Chế độ hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Kinh phí nghỉ việc trợ cấp 1 lần cho dân quân xã, phường	Kinh phí tăng thêm hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP (Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp)
A	B	15	16	17	18	19	20	21
15	Phước Tân							TTtr 256/TTtr-UBND ngày 20/11/2025 của UBND xã Phước Tân
16	Tam hiệp							QĐ 140/QĐ-ĐU ngày 29/10/2025 và QĐ 141/QĐ-ĐU ngày 29/10/2025 của ĐU phường Tam Hiệp
17	Tân Phú							TTtr 3840/TTtr-UBND ngày 20/11/2025 của UBND xã Phước Tân
18	Tân Triều							TTtr 78/TTtr-UBND ngày 08/11/2025 của UBND phường Tân Triều
19	Thọ Sơn		108.000.000		92.000.000		441.000.000	TTtr 104/TTtr-UBND ngày 11/11/2025 của UBND xã Thọ Sơn
20	Thuận Lợi							TTtr 46/TTtr-UBND ngày 07/11/2025 của UBND xã Thuận Lợi
21	Trần Biên							VB 2683/UBND ngày 31/10/2025 của UBND phường Trần Biên
22	Xuân Lộc							TTtr 45/TTtr-UBND ngày 20/11/2025 và TTtr 61/TTtr-UBND ngày 27/11/2025 của xã Xuân Lộc